

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-PT

Ngày: 27/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Năm

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 34/2023/HSPT ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo D V C, do có kháng cáo của bị cáo D V C và của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2023/HS-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

D V C, sinh năm 1983, tại: tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp Hóa Thành 2, xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D V P và bà N T D; có vợ T T M B và 01 con sinh năm 2017; tiền sự; tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: ông N N T, sinh năm 1973 – có mặt

Nơi cư trú: ấp H T 1, xã Đ T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của ông N N T: ông Nguyễn Ngọc Minh, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số 560A khu vực Thạnh Lợi, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023) – có mặt

Những người tham gia tố tụng khác: Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16 tháng 8 năm 2022, D V C đi đến nhà của chị N T Út ở ấp Đ H 2, xã Đ T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long để dự đám giỗ, khi đến nơi D V C ngồi chung bàn tròn với ông N N T cùng một số người khác. Khoảng 60 phút sau, chị T T M đến dự đám giỗ và ngồi ghế cạnh bên tay trái của D V C, thấy vậy ông T liền kêu C đổi ghế nhưng C không đồng ý, sau đó ông T rủ chị M cùng lên hát, Còn đi vào bàn bên trong để mời những người đang ngồi nhậu ở bên trong sân nhà của chị U. Sau khi hát xong chị M về ghế ngồi, ông T qua ngồi cạnh phía bên trái của chị M, đến khi C quay về bàn thì ngồi cạnh bên phải của chị M. Trong lúc uống bia, ông T nói với C nhiều lần “*mày biết con kỳ đà không?*”, C trả lời “*không*”, khi ông T hỏi lần thứ ba “*mày biết con kỳ đà không?*” thì cùng lúc ông T dứt lời nói đã dùng tay phải đánh trúng phần trán của Còn làm C té ngã, C đứng dậy rồi dùng tay đánh nhau với ông T thì được mọi người trong đám can ngăn ra, C bỏ đi về nhà nhưng trên đường về nghe được ông T chửi mình “*mày đừng có giống con gái mẹ mày hung dữ nghe*”, rồi ông T ở lại đám nhậu tiếp.

Sau khi về đến nhà do tức giận ông T, nên C ngồi ở trước cửa nhà đợi ông T đi ngang qua để đánh trả thù, khoảng 20 phút sau ông T nghỉ nhậu đi ra lấy xe để về thì C phát hiện, lúc này ông T đi ngang nhà của C, nên C lấy con dao để trước cửa nhà cầm trên tay chạy đến chỗ ông T đang đứng lấy xe giờ dao lên chém ông T, ông T nghe có tiếng động phía sau quay người lại nhìn thấy C cầm dao đang chém xuống, nên dùng tay đỡ thì bị chém trúng vào ngón tay trở bàn tay phải, ông T la lên thì có anh T V T đang ngồi nhậu trong đám giỗ nghe được, chạy ra xem thấy ông T bị thương ở tay, còn C đang cầm một con dao nên anh đẩy C vào trong nhà và gọi Công an xã Đ T để trình báo sự việc.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 178/2022/TgT ngày 23/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của N N T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Vết thương khoảng 05 cm đứt gần lìa ngón II bàn tay phải do vật sắc gây ra được điều trị, hiện tại sẹo kích thước 3 x 0,2 cm mất đến ½ đốt I ngón II.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% (mười một phần trăm).

Xét thấy hành vi của D V C đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bình Minh đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố đối với D V C và cho tạm giam để điều tra, xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2023/HS-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo D V C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D V C 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo tự nguyện chấp hành phạt hoặc từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông N N T số tiền: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) Gồm các khoản:

- + Tiền thuốc: 1.330.000 đồng;
- + Tiền rửa vết thương: 300.000 đồng;
- + Chi phí đi lại: 1.200.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần: 25 tháng lương cơ bản X 1.490.000 đồng = 37.250.000 đồng.

Tổng số tiền 40.080.000 đồng nhưng ông T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 40.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả 2.000.000 đồng tại chi Cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh theo biên lai thu tiền số 0005809 ngày 27 tháng 02 năm 2023 nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông T 38.000.000 đồng còn lại.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo D V C phải nộp án phí các khoản sau:

- Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng);
- Án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/3/2023, bị cáo D V C có đơn kháng cáo với nội dung xin cho bị cáo được hưởng án treo và bồi thường thuốc cho ông T vì gia đình khó khăn, không có nhà phải ở đậu nhà chị T.

Ngày 13/3/2023, bị hại N N T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt cho bị cáo D V C mới tương xứng với hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại trình bày như sau:

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: ại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị cáo vi phạm vào khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, nhưng bị hại cũng có một phần lỗi, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và giai đoạn phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, nhưng không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo; đồng thời, cũng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại để tăng hình phạt đối với bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm số tiền bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần, xét thấy thương tích của bị hại là 11%, nhưng tại phiên tòa hôm nay qua xác định thực tế bị hại bị mất móng tay của ngón trỏ bàn tay phải. Vì vậy, về phần tiền bù đắp tổn thất tinh thần cấp sơ thẩm tuyên 25 tháng mức lương tối thiểu, xét thấy là phù hợp; tuy nhiên, trong vụ án này phía bị hại có một phần lỗi, vì vậy bị hại cũng chịu một phần trách nhiệm dân sự là 30%.

Từ những phân tích, nhận định như trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo và không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại và sửa về phần bồi thường thiệt hại của bản án sơ thẩm.

- Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D V C 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về bồi thường thiệt hại: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo D V C bồi thường thiệt hại cho ông N N T các khoản như sau:

+ Tiền thuốc: 1.330.000 đồng;

- + Tiền rửa vết thương: 300.000 đồng;
- + Chi phí đi lại: 1.200.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần: 25 tháng lương cơ bản X 1.490.000 đồng thành tiền 37.250.000 đồng x 70% thành tiền là 26.075.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo D V C phải bồi thường là 28.905.000 đồng, nhưng được trừ số tiền 2.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông T với số tiền là 26.905.000 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ năm ngàn đồng).

- Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

* *Bị cáo D V C trình bày*: bị cáo không đồng ý như vậy vì bị cáo lúc đó uống rượu, bị cáo không suy nghĩ tới, việc này không phải lỗi của bị cáo, bị cáo là công dân tốt không có xích mích với lối xóm, nếu xét xử bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát quá tội cho bị cáo.

* *Người đại diện của bị hại N N T là ông N N M trình bày*:

- + Bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, tính chất đe dọa
- + Bị cáo sử dụng hung khí rất nguy hiểm để phạm tội.
- + Bị hại bị mất hai ngón tay nên dẫn đến nguồn thu cho gia đình gặp rất nhiều khó khăn.

+ Về khắc phục hậu quả thì bị cáo không có thái độ và tinh thần: ngày xét xử sơ thẩm bị cáo nộp được số tiền 2.000.000 đồng và cho đến thời điểm này không bồi thường thêm, hiện tại bị cáo không có khả năng bồi thường.

+ Về mức hình phạt phía bị hại yêu cầu tăng lên 02 năm tù; về bồi thường thiệt hại yêu cầu giữ y án sơ thẩm.

* *Bị cáo D V C nói lời sau cùng*: bị cáo đã biết ăn năn hối cải vì một phút sai lầm của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D V C khai nhận: ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại đám giỗ nhà chị Út thì phía ông T có những câu nói “*mày biết con kỳ đà không?*” và đánh bị cáo trước. Bị cáo bỏ đi về nghe được ông T chửi mình “*mày đừng có giống con gái mẹ mày hung dữ nghe*”, Bị cáo về nhà khi ông T

lấy xe chuẩn bị về, bị cáo dùng dao gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 11%. Mặc dù, thương tích của bị hại chỉ 11%, nhưng do bị cáo dùng hung khí nguy hiểm, nên việc cấp sơ thẩm quy kết bị cáo D V C phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì sự tức giận do bị hại đánh và có lời lẽ xúc phạm đến mẹ của mình, không biết kiềm chế bản thân bị cáo lại dùng dao chém do bị hại dùng tay đưa lên đỡ bị đứt gần lìa ngón II bàn tay phải. Do đó, cho thấy hành vi của bị cáo là xem thường sức khỏe của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm, nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt Tòa án sơ thẩm đã có xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, với mức hình phạt 01 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo đối với bị cáo, cũng như kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc chỉ đồng ý bồi thường tiền thuốc cho ông T, thấy rằng số tiền bồi thường về tổn thất tinh thần 25 tháng lương cơ sở có căn cứ; bởi lẽ: bị cáo gây thương tích làm đứt gần lìa ngón II bàn tay phải. Trong khi ngón trở tay là rất quan trọng trong việc hoạt động của tay, gây khó khăn cho bị hại trong sinh hoạt hàng ngày; ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng xác định bị hại cũng có một phần lỗi, do bị cáo và bị cáo thỏa thuận nên không trừ ra phần thiệt hại do lỗi của bị hại gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm số tiền bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần không được chấp nhận, nhưng trong trường hợp bị hại cũng có một phần lỗi; do đó, chấp nhận một phần kháng cáo để bị hại phải chịu 30% thiệt hại, bị cáo phải bồi thường 70%; cụ thể các khoản bồi thường như sau:

- Đối với 03 khoản sau bị cáo không kháng cáo đã hiệu lực thể hiện:
- + Tiền thuốc: 1.330.000 đồng;
- + Tiền rửa vết thương: 300.000 đồng;
- + Chi phí đi lại: 1.200.000 đồng;

- Riêng tiền tổn thất tinh thần: 25 tháng lương cơ bản X 1.490.000 đồng thành tiền 37.250.000 đồng, nhưng bị cáo chỉ phải bồi thường 70% thành tiền là 26.075.000 đồng.

Như phân tích trên bị cáo phải bồi thường tổng cộng là 28.905.000 đồng, nhưng được trừ số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, theo biên lai thu tiền số 0005809 ngày 27 tháng 02 năm 2023, nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Thuyền với số tiền là 26.905.000 đồng.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại về phần hình phạt, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần bồi thường thiệt hại là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do sửa phần bồi thường thiệt hại nên điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo D V C và không chấp nhận kháng cáo của bị hại N N T và giữ y hình phạt, sửa phần bồi thường thiệt hại của Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2023/HS-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38 và các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D V C 01 (một) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt hoặc từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Về bồi thường thiệt hại: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo D V C bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Ngọc Thuyền các khoản như sau:

- + Tiền thuốc: 1.330.000 đồng;
- + Tiền rửa vết thương: 300.000 đồng;
- + Chi phí đi lại: 1.200.000 đồng;
- + Tiền tổn thất tinh thần: 25 tháng lương cơ bản X 1.490.000 đồng thành tiền 37.250.000 đồng x 70% thành tiền là 26.075.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo D V C phải bồi thường là 28.905.000 đồng, nhưng được trừ số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, theo biên lai thu tiền số 0005809 ngày 27 tháng 02 năm 2023 nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông T với số tiền là 26.905.000 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ năm ngàn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo D V C phải nộp 1.345.200 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND +VKSND TXBM: 02;
- CQTHADS TXBM : 01;
- CQTHAHS TXBM : 01;
- TG, BC: 02;
- Bị hại: 01;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01;
- UBND xã Đ T: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thành Tân